

Số: 158/2020/QĐST-HNGĐ TP. Cao Lãnh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ L số 240/2020/TLST-HNGĐ ngày 26/6/2020 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con và nợ chung*”, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Trần Phương T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số nhà H/HM, đường NTT, Phường M, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Lê Kim C, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số nhà H/HM, đường NTT, Phường M, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Lê Thị L, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số nhà 2/31, đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 60, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Phương T và anh Lê Kim C thống nhất thuận tình ly hôn.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Quan hệ hôn nhân: Chị Trần Phương T và anh Lê Kim C thống nhất thuận tình ly hôn.

Con C: Chị Trần Phương T và anh Lê Kim C thống nhất vợ chồng có bốn con C và thống nhất thỏa thuận: Tiếp tục giao con C tên Lê Quốc Huy, sinh ngày 21/3/2016 cho chị T nuôi; giao con C tên Lê Trung Tín, sinh ngày 26/6/2003 và Lê Trần Minh Thu, sinh ngày 07/9/2012 cho anh C nuôi, hiện con C đang sống với vợ chồng. Riêng Lê Trần Xuân Mai, sinh ngày 29/01/1996 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Phương T và anh Lê Kim C thống nhất: Anh, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Tài sản C: Chị Trần Phương T và anh Lê Kim C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ C: Chị Trần Phương T, anh Lê Kim C và bà Lê Thị L thống nhất: Chị Trần Phương T, anh Lê Kim C có nợ bà Lê Thị L số tiền 664.500.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Chị T có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L số tiền 332.250.000 đồng; anh C có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L số tiền 332.250.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Phương T tự nguyện chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 8.306.000 đồng án phí về nợ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004842 ngày 24/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, như vậy chị T còn phải nộp tiếp số tiền 8.156.000 đồng.

Anh Lê Kim C tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm về nợ là 8.306.000 đồng.

Bà Lê Thị L được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là

15.290.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004886 ngày 10/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- UBND phường Tân Qui Đông,
thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
(Số 17, ngày 10/10/1995);
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Cẩm Trinh